

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 03 /2019/KDTM-ST
Ngày: 17-4-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Trường
2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm Công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2019/TLST-KDTM ngày 16/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 15/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-KDTM ngày 01/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Công ty Y

Trụ sở: Số A, đường B, KCN C, Phường D, TP. Đ, Tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện: Ông Đào Duy H, chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường E, chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền ngày 26/11/2018) (có mặt)

Địa chỉ: Số Q đường số R, khu phố U, phường I, Quận O, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty X

Trụ sở: Toà nhà M, phường N, Quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, Công ty Y có ký hợp đồng số 121/2016/HĐKT ngày 01/12/2016 với Công ty X.

Hai bên thỏa thuận: Công ty Y cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty X thực hiện dự án Thi Công cầu L, xã G, huyện S, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đơn

giá: là giá tại thời điểm đặt hàng, bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, chi phí thí nghiệm mẫu, bảng báo giá là bộ phận không thể tách rời của hợp đồng. Đặt hàng bằng Fax hoặc phiếu đặt hàng trước 12h, và được xác định lại trước 2 giờ bằng điện thoại mỗi lần giao hàng.

Thanh toán: chuyển khoản, vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Hai bên đối chiếu khối lượng bê tông đã đổ thực tế và bên B (Công ty Y) xuất hóa đơn, bên A (Công ty X) thanh toán 100% giá trị khối lượng bê tông đã đổ trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán. Quá hạn trên, bên A chưa thanh toán thì còn chịu thêm lãi suất bằng lãi suất ngân hàng BIDV Đồng Nai tại thời điểm phát sinh trên số tiền trả chậm.

Công ty Y đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty X theo đúng thỏa thuận.

Tuy nhiên, do Công ty X luôn chậm trễ trong vấn đề thanh toán nên đến tháng 3/2017, Công ty Y ngưng cung cấp bê tông và yêu cầu Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn thiếu là: 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng). Nhưng Công ty X vẫn không thanh toán.

Do đó, Công ty Y khởi kiện ra tòa yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 1/2017 đến ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 0.03%/ngày, tạm tính đến ngày 26/11/2018 là 402.057.114 đồng (Bốn trăm lẻ hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm mười bốn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/11/2018 là: 2.549.493.614 đồng (Hai tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm mười bốn đồng)

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty X được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi ích cho mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ tháng 1/2017 đến hết ngày 16/4/2019 theo mức lãi suất 0.026%/ngày là: 441.132.846đ (Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).

Tổng cộng là: 2.588.569.346đ (Hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Y lựa chọn khởi kiện Công ty X tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là nơi thực hiện hợp đồng về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, xác định giữa Công ty Y và Công ty X có giao dịch mua bán hàng hóa theo hợp đồng kinh tế số 121/2016/HĐKT ngày 01/12/2016.

Hợp đồng được ký kết tự nguyện bởi người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp không trái quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

Từ cuối năm 2016, Công ty Y đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty X thực hiện dự án thi Công tại Thi Công cầu L, xã G, huyện S, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Theo thỏa thuận vào ngày 15 và 30 hàng tháng hai bên đối chiếu khối lượng bê tông đã đổ thực tế.

Công ty Y xuất hóa đơn. Công ty X thanh toán 100% giá trị khối lượng bê tông đã đổ trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

Đến tháng 3/2017 mặc dù được đốc thúc nhiều lần nhưng Công ty X vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Y ngưng cung cấp bê tông và yêu cầu Công ty X phải thanh toán tiền hàng còn thiếu là: 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) nhưng đến nay Công ty X vẫn không thanh toán.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tòa án đã ra quyết định yêu cầu Công ty X17 phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mình đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tuy nhiên, Công ty X không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ chứng cứ nào để bảo vệ cho mình. Điều đó không những thể hiện thái độ không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng mà cũng là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Do đó, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản đối

chiều Công nợ ngày 27/3/2018, hội đồng xét xử xác định, đến ngày 27/3/2018 Công ty X còn nợ Công ty Y số tiền 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

Cho đến nay Công ty X vẫn chưa thanh toán khoản nợ này. Nên căn cứ Điều 50 Luật thương mại, nguyên đơn Công ty Y yêu cầu Công ty X thanh toán số tiền 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng), là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

- Số tiền gốc: 1.128.380.000đ (Khối lượng bê tông đợt 1+2), tiền lãi từ ngày 06/01/2017 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 242.037.510đ

- Số tiền gốc: 1.385.444.500đ (Khối lượng bê tông đợt 3), tiền lãi từ ngày 10/01/2017 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 284.570.300đ

- Số tiền gốc: 1.128.380.733.612.000đ (Khối lượng bê tông đợt 4), tiền lãi từ ngày 22/02/2017 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 148.395.035đ

- Số tiền gốc: 100.000.000đ (Thanh toán tiền mua bê tông), tiền lãi từ ngày 12/12/2016 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 22.230.000đ

- Số tiền gốc: 500.000.000đ (Thanh toán tiền mua bê tông), tiền lãi từ ngày 20/01/2017 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 106.080.000đ

- Số tiền gốc: 500.000.000đ (Thanh toán tiền mua bê tông), tiền lãi từ ngày 24/01/2017 đến ngày xét xử, mức lãi suất 0.026%/ngày. Tiền lãi: 106.080.000đ

Tổng cộng: 441.132.846đ (Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).

Xét tại mục 4.2 Điều IV, hợp đồng 121/2016/HĐKT các bên có thỏa thuận: quá thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán của bên B, bên A chưa thanh toán thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất ngân hàng BIDV Đồng Nai tại thời điểm phát sinh trên số tiền chậm trả. Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn đối với số tiền, thời gian chưa thanh toán và mức lãi suất là phù hợp nên được chấp nhận.

Vậy tổng cộng tiền gốc và tiền lãi Công ty X phải thanh toán cho Công ty Y là: 2.588.569.346đ (Hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 2.588.569.346đ là: 83.771.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại .

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Y.

Buộc Công ty X phải thanh toán cho Công ty Y số tiền gốc: tiền 2.147.436.500 đồng (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử 17/4/2019: 441.132.846đ (Bốn trăm bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng).

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi Công ty X phải thanh toán cho Công ty Y là: 2.588.569.346đ (Hai tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu nếu người thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X nộp án phí là 83.771.000đ. Công ty Y được hoàn lại 40.702.000đ (Bốn mươi triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006785 ngày 15/01/2019 của Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thái

